

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mua

Ông Nguyễn Hoàng Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: **Không** tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 244/2018/TLST-HNGÑ, ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phương T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp T1, xã L, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Phùng Minh T3, sinh năm 1992; Nơi đăng ký HKTT: Ấp T1, xã L, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh T3 có tổ chức cưới năm 2014, hôn nhân do quen biết, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian sống chung hạnh phúc được hơn 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân tháng 02 năm 2018 đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị T trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Anh T3 không quan tâm đời sống vợ con thường xuyên cư cãi đến tháng 02 năm 2018 thì anh T3 bỏ về nhà cha mẹ ruột tại Bạc Liêu sống, chị T có liên lạc qua điện thoại để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn nhưng anh T3 không chịu về đoàn tụ và cắt liên lạc với mẹ con chị T cho đến nay, khi chị T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T3 có biết nhưng không chịu về gặp chị T mà để chị T tự giải quyết. Hiện nay anh T3 sinh sống và làm gì ở đâu thì chị T không biết, lâu lâu có điện thoại về hỏi thăm con chứ không nói làm gì và ở đâu.

Về con chung: Chị T có 01 con chung tên Phùng Quang K, sinh ngày 11/4/2015; Hiện con đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng không có con riêng hay con nuôi gì khác.

Về tài sản chung: Chị T trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Phùng Minh T3. Về con chung là Phùng Quang K, sinh ngày 11/4/2015, chị T yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng. Vợ chồng không có con riêng hay con nuôi gì khác. Về tài sản chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Phùng Minh T3 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như ngày mở phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do đồng thời không có văn bản ý kiến gì phản bác hay yêu cầu phản tố gì khác đối với yêu cầu của chị Trang.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn anh Phùng Minh T3 đã được Tòa án tổng đạt thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về ngày xét xử vụ án cho anh T3 đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T3 không đến và vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Phùng Minh T3. Về con chung là Phùng Quang K, sinh ngày 11/4/2015, chị T yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng. Vợ chồng không có con riêng hay con nuôi gì khác. Về tài sản chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Phùng Minh T3 vắng mặt và không có văn bản ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị T và anh T3 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long là đúng theo quy định pháp luật. Nên việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T3 là có cơ sở xem xét.

Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Anh T3 không quan tâm đời sống vợ con, thường xuyên cự cãi đến tháng 02 năm 2018 thì anh T3 bỏ nhà đi, sau thì chị T nghe nói là về nhà cha mẹ ruột tại Bạc Liêu sống. Chị T có liên lạc qua điện thoại để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn nhưng anh T3 không chịu về đoàn tụ và cắt liên lạc với mẹ con chị T. Hiện nay anh T3 sinh sống và làm gì ở đâu thì chị T không biết, lâu lâu có điện thoại về hỏi thăm con chứ không nói làm gì và ở đâu. Chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tam Bình giải quyết ly hôn thì anh T3 có biết nhưng vẫn không chịu về để vợ chồng gặp mặt giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn lại cùng lo cho con mà để chị T tự mình giải quyết. Hiện nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đối với anh T3 không còn nữa và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T3.

Tại phiên tòa hôm nay anh T3 vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh T3 đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về ngày xét xử vụ án hợp lệ đúng theo quy định nhưng anh T3 vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu của chị T thì xem như đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh T3 không còn nữa. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T3 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T3 theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ;

[2.2] Xét về con chung: Là Phùng Quang K, sinh ngày 11/4/2015, hiện nay đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay chị T giữ yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay anh T3 vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh T3 đã được Tòa án thông báo về yêu cầu nuôi con của chị T nhưng anh T3 không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu này của chị T thì xem như đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy, đối với đứa trẻ 04 tuổi đang trong độ tuổi phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần, là cột mốc thời gian quan trọng trong quá trình hình thành tính cách, nhân cách về sau thì việc ổn định môi trường sống và cần một sự chăm sóc tỉ mỉ từ những người nuôi dưỡng là vô cùng cần thiết. Từ những luận điểm trên xét thấy yêu cầu nuôi con của chị T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ từ khi anh T3 và chị T ly thân nhau đến nay thì cháu K do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T. Giao cháu Phùng Quang K cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về con riêng, con nuôi không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng cho con nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Anh T3 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[2.3] Xét về tài sản chung: Do anh T3 vắng mặt, chị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[2.4] Xét về nợ chung: Do anh T3 vắng mặt, chị T trình bày trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ ai hay ngược lại không có ai nợ vợ chồng và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0010950, ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Chị Nguyễn Phương T;

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Phương T được ly hôn với anh Phùng Minh T3;

Về con chung: Giao cháu Phùng Quang K, sinh ngày 11/4/2015 cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Về con riêng, con nuôi không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng cho con nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Anh Phùng Minh T3 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Xét về tài sản chung: Do anh T3 vắng mặt, chị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Xét về nợ chung: Do anh T3 vắng mặt, chị T trình bày trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ ai hay ngược lại không có ai nợ vợ chồng và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0010950, ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện T : 02
- THADS huyện T: 01
- Nơi đăng ký kết hôn
- Đương sự
- Lưu: 03

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

HỒ KIM LIÊN